

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ PHÁT
TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

LỚP BỔ SUNG KIẾN THỨC VĂN BẰNG 2 NĂM 2021 - ĐỢT 2

Môn: Cơ sở văn hóa Việt nam

Khóa học từ: 06/11 đến 23/11/2021

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm tổng
1	Trương Phước Đại	14/12/1983	8,0
2	Trần Thị Kim Yến	10/10/1996	8,0
3	Trần Thị Thanh Vân	04/02/1998	x
4	Nguyễn Thị Kiều An	06/09/1998	x
5	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	01/01/1994	8,0
6	Huỳnh Ngọc Hoàng Ngân	06/02/1997	8,0
7	Lai Gia Yến	02/03/1998	7,5
8	Lý Hoàng Khã My	23/07/1995	8,0
9	Nguyễn Thị Minh Hằng	02/09/1995	8,0
10	Lê Ngọc Yến Quyên	19/01/1996	7,0
11	Lê Quỳnh Như	09/04/1986	8,0
12	Nguyễn Lê Thiên Ngân	16/02/1999	8,0
13	Vũ Anh Vương	20/01/1989	8,0
14	Phạm Nguyễn Kim Khánh	08/08/1998	8,0
15	Phạm Trọng Nghĩa	19/04/1990	8,0
16	Lê Chiêu Thanh Thảo	14/03/1997	7,0
17	Phạm Xuân Hương	30/10/1990	8,0
18	Lê Thị Quỳnh Anh	12/06/1992	8,0
19	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	10/06/1996	8,0
20	Nguyễn Châu Hồng Ngọc	06/12/1987	8,0
21	Trần Quỳnh Hoa	15/12/1997	8,0
22	Lê Thị Phương Nga	07/02/1994	8,0
23	Phạm Tiến Đạt	11/03/1996	x

24	Đặng Mai Hà	04/11/1987	8,0
25	Đỗ Phùng Minh Châu	14/10/1983	8,0
26	Phạm Gia Phúc	05/12/1999	8,0
27	Đặng Thị Kim Liên	02/10/1993	7,5
28	Lê Thành Nhân	01/01/1992	8,5
29	Lê Thị Phương Thảo	13/02/1991	8,0
30	Lâm Văn Minh	21/07/1992	x
31	Nguyễn Trần Phương Lam	13/05/1999	8,0
32	Phan Hoàng Long	10/10/1988	8,0
33	Trần Thanh Vi	20/10/1992	8,0
34	Trần Thị Kim Ngân	25/11/1985	8,0
35	Phùng Ngọc Quỳnh Trâm	28/05/1993	x
36	Nguyễn Thị Thu An	31/08/1998	8,0
37	Nguyễn Thị Thanh Vy	29/10/1994	8,0
38	Trà Anh Duy	12/08/1984	8,0
39	Đoàn Minh Thông	06/11/1987	8,0
40	Lữ Ngọc Thu Tâm	25/08/1995	8,0
41	Phùng Thị Hồng Xuyên	11/03/1990	8,0
42	Phạm Thị Kim Soàn	22/04/1998	8,0
43	Nguyễn Trần Khánh Linh	10/11/1998	x
44	Nguyễn Thị Mỹ Lợi	15/10/1999	8,0
45	Nguyễn Hoàng Phụng	10/11/1992	8,0
46	Trương Thị Tuyết Hoa	11/01/1985	8,0
47	Đỗ Thị Thanh Thúy	04/09/1998	7,5
48	Nguyễn Thị Kim Hằng	18/09/1986	7,0
49	Hồ Thị Yến Nhi	20/03/1992	x
50	Phan Lê Như Quỳnh	19/08/1990	7,0
51	Nguyễn Linh Đan	11/07/1996	x
52	Lê Thị Hiến	15/03/1996	7,5
53	Trần Duy Phương	29/03/1986	8,0
54	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	02/09/1994	7,0
55	Trần Tuấn	25/06/1985	7,0
56	Nguyễn Phương Thảo	19/11/1992	7,0

57	Ngô Gia Bửu	29/04/1998	7,0
58	Nguyễn Dạ Thảo Ngọc	06/12/1994	7,0
59	Nguyễn Công Định	29/12/1987	7,0
60	Nguyễn Hoài Thương	05/11/1992	7,0
61	Lê Thị Thanh Lan	29/01/1994	7,0
62	Trần Thị Trúc Linh	29/01/1991	7,0
63	Lê Thị Lan	19/11/1990	7,0
64	Thái Nguyễn Diễm Hương	12/11/1983	7,0
65	Ngô Thị Hương Lan	08/05/1992	7,0
66	Phạm Hương Quỳnh	20/04/1989	7,0
67	Nguyễn Thụy Trâm Anh	09/07/1994	7,0
68	Nguyễn Trát Trúc Quân	16/05/1992	7,0

Tp. HCM, ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ban Giám đốc Trung tâm